

BẢN TIN PHÁP LUẬT

Tháng 05-2020



MỤC LỤC tháng 05/2020

1

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

- Hỏi đáp.
- Các công văn liên quan đến chính sách thuế.

2

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

- Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.9
- Nghị quyết số 94/2019/QH14 - Các đối tượng và điều kiện được khoan nợ tiền thuế và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp.
- Khai không đủ nội dung hồ sơ thuế xử phạt hành chính thế nào?

3

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- Thông tư số:02/2020/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
- Thông tư số:19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính..
- Thông tư số:20/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.

4

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 05/2020

HỎI ĐÁP VỀ CHÍNH SÁCH THUẾ

4 - 13

Hỏi đáp

14 -20

Các công văn liên quan đến chính sách thuế



HỎI ĐÁP

1. Hỏi:

Tôi có một nội dung liên quan đến thanh toán công tác phí trong nước cho CBCC mong được Bộ Tài chính giải đáp.

Tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị có quy định về khoản tiền phòng nghỉ tại nơi đến công tác: định mức/ngày/người. Vậy "ngày" nêu trên được hiểu như thế nào? và chi khoản tiền phòng nghỉ theo số lượng ngày công tác hay số lượng đêm nghỉ tại nơi đến công tác. Tôi xin ví dụ thực tế như sau: Thủ trưởng đơn vị cử tôi đi công tác tại TP HCM từ ngày 02/8/2019 đến ngày 05/8/2019 (4 ngày 3 đêm). Tôi đăng ký khoản tiền phòng nghỉ trong suốt đợt công tác. Vậy tôi được thanh toán tiền khoản phòng nghỉ như thế nào? theo ngày hay đêm nghỉ tại nơi đến công tác tại 2 phương án sau:

1. Phương án 1: 4 ngày x 450.000 đ/người = 1.800.000 đồng
2. Phương án 2: 3 đêm x 450.000 đ/người = 1.350.000 đồng

Trân trọng cảm ơn./.

Trả lời:

- Tại điểm b khoản 1 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định nguyên tắc thanh toán tiền thuê phòng nghỉ nơi đến công tác như sau:

"b) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động được cơ quan, đơn vị cử đi công tác khi phát sinh việc thuê phòng nghỉ nơi đến công tác thì được thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo một trong hai hình thức: Thanh toán theo hình thức khoán hoặc thanh toán theo hóa đơn thực tế".

- Tại Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định mức thanh toán tiền thuê phòng nghỉ theo hình thức khoán. Tại Khoản 4 Điều 7 Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định: "Trường hợp người đi công tác do phải hoàn thành công việc đến cuối ngày, hoặc do chỉ đăng ký được phương tiện đi lại (vé máy bay, tàu hỏa, ô tô) từ 18h đến 24 cùng ngày, thì được thanh toán tiền nghỉ của nửa ngày nghỉ thêm (bao gồm cả hình thức thanh toán khoán và thanh toán theo hóa đơn thực tế) tối đa bằng 50% mức thanh toán khoản tiền thuê phòng nghỉ tương ứng của từng đối tượng; không thanh toán tiền khoán thuê phòng nghỉ cho thời gian đi qua đêm trên tàu hỏa, thuyền, tàu thủy, máy bay, ô tô và các phương tiện đi lại khác".

Theo ví dụ của Quý Độc giả thì tiền khoán phòng nghỉ được thanh toán theo số đêm thực tế nghỉ.

HỎI ĐÁP

2. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính, Căn cứ quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định 126: các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa được bán cho Nhà đầu tư chiến lược, tuy nhiên một số doanh nghiệp thuộc lĩnh vực công ích, một số hoạt động kinh doanh nhằm phục vụ dân sinh, xã hội trên địa bàn nên hiệu quả kinh tế khá thấp khả năng tìm kiếm nhà đầu tư chiến lược là không có. Vậy, doanh nghiệp đó có được quyết định không lựa chọn nhà đầu tư chiến lược mà chuyển toàn bộ số cổ phần bán ra ngoài thông qua hình thức bán đấu giá công khai hay bắt buộc thực hiện lựa chọn nhà đầu tư chiến lược theo đúng trình tự các bước công việc cụ thể quy định tại Phụ lục I kèm theo Nghị định 126?

Kính mong Bộ Tài chính xem xét và có ý kiến hướng dẫn. Trân trọng cảm ơn.

Trả lời:

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp Nhà nước và công ty TNHH một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (Nghị định số 126/2017/NĐ-CP) thì các doanh nghiệp thuộc danh mục Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa sẽ được cơ quan có thẩm quyền xem xét lựa chọn việc bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược.

Việc lựa chọn bán cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược không phải là quy định bắt buộc đối với các doanh nghiệp cổ phần hóa thuộc diện Nhà nước tiếp tục nắm giữ trên 50% tổng số cổ phần khi cổ phần hóa. Căn cứ vào quy mô vốn điều lệ, tính chất ngành nghề kinh doanh và yêu cầu mở rộng phát triển doanh nghiệp, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa doanh nghiệp có trách nhiệm báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định việc bán cổ phần lần đầu cho nhà đầu tư chiến lược, tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược và tỷ lệ cổ phần bán cho nhà đầu tư chiến lược theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ.

HỎI ĐÁP

3. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính! tôi làm việc trong một đơn vị hành chính sự nghiệp có thu. Hiện nay cơ quan tôi có mua 200 bình phun sương diệt khuẩn cho cán bộ viên chức để phục vụ trong mua dịch Covid-19, thanh toán bằng tiền mặt nhưng bên bán là một trung tâm của đơn vị HSCN nên không có hóa đơn hay biên lai thu tiền mà chỉ cung cấp phiếu thu theo mẫu C40-BB theo TT số 107 của BTC có đầy đủ chữ ký và con dấu thì đó có gọi là chứng từ kế toán hợp lệ để được thanh toán không ạ?

Trả lời:

Căn cứ Điều 20, Luật Kế toán quy định về hóa đơn: 1. Hóa đơn là chứng từ kế toán do tổ chức, cá nhân bán hàng, cung cấp dịch vụ lập, ghi nhận thông tin bán hàng, cung cấp dịch vụ theo quy định của pháp luật. 2. Nội dung, hình thức hóa đơn, trình tự lập, quản lý và sử dụng hoá đơn thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế.

Theo đó Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán hành chính sự nghiệp không có quy định về mẫu biểu hóa đơn mua bán hàng hóa. Trường hợp đơn vị có phát sinh các hoạt động mua bán hàng hóa, dịch vụ thì việc sử dụng hóa đơn được thực hiện theo các quy định của pháp luật thuế về hóa đơn bán hàng hóa, dịch vụ, như sau:

Theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ Quy định về hóa đơn bán hàng hóa dịch vụ: Khi bán hàng hoá, dịch vụ người bán phải lập hoá đơn. Khi lập hoá đơn phải ghi đầy đủ nội dung theo quy định tại Nghị định này (Khoản 1, Điều 15), và Bán hàng hoá, dịch vụ có tổng giá thanh toán dưới 200.000 đồng mỗi lần thì không phải lập hoá đơn, trừ trường hợp người mua yêu cầu nhận hoá đơn (Khoản 1, Điều 16).

Theo quy định tại Điều 11, Thông tư 39/2014/TT-BTC thì Cơ quan thuế bán hóa đơn cho các đối tượng sau: a) Tổ chức không phải là doanh nghiệp nhưng có hoạt động kinh doanh...

Như vậy theo tình huống độc giả hỏi trường hợp đơn vị cung cấp hàng hóa là Trung tâm thuộc đơn vị hành chính sự nghiệp, đề nghị liên hệ với cơ quan Thuế trên địa bàn để được hướng dẫn về hóa đơn mua hàng.

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính! Công ty tôi kinh doanh thương mại mặt hàng chịu thuế 10%, kê

khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có mua 1 máy photocopy về phục vụ văn phòng trị giá 28.000.000đ; thuế GTGT: 2.800.000đồng; tổng trị giá: 30.800.000đồng. Vậy trong trường hợp công ty tôi không muốn kê khai khấu trừ thuế GTGT 2.800.000đồng thì có được ghi nhận toàn bộ 30.800.000đồng vào nguyên giá tài sản cố định không?

Trả lời:

Tại Khoản 8, 9 Điều 14 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng quy định:

“Điều 14: Nguyên tắc khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

8. Thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ nào được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp của kỳ đó, không phân biệt đã xuất dùng hay còn để trong kho.

Trường hợp cơ sở kinh doanh phát hiện số thuế GTGT đầu vào khi kê khai, khấu trừ bị sai sót thì được kê khai, khấu trừ bổ sung trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

9. Số thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, cơ sở kinh doanh được hạch toán vào chi phí để tính thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc tính vào nguyên giá của tài sản cố định, trừ số thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần có giá trị từ hai mươi triệu đồng trở lên không có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt....”

Tại Điều 15 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 và Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 2 năm 2015 của Bộ Tài chính) quy định:

HỎI ĐÁP

4. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính! Công ty tôi kinh doanh thương mại mặt hàng chịu thuế 10%, kê

khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, có mua 1 máy photocopy về phục vụ văn phòng trị giá 28.000.000đ; thuế GTGT: 2.800.000đồng; tổng trị giá: 30.800.000đồng. Vậy trong trường hợp công ty tôi không muốn kê khai khấu trừ thuế GTGT 2.800.000đồng thì có được ghi nhận toàn bộ 30.800.000đồng vào nguyên giá tài sản cố định không?

Trả lời: (tiếp)

“Điều 15: Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào

1.Có hóa đơn giá trị gia tăng hợp pháp của hàng hóa, dịch vụ mua vào hoặc chứng từ nộp thuế giá trị gia tăng khâu nhập khẩu hoặc chứng từ nộp thuế GTGT thay cho phía nước ngoài theo hướng dẫn của Bộ Tài chính áp dụng đối với các tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân Việt Nam và cá nhân nước ngoài kinh doanh hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam.

2.Có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào (bao gồm cả hàng hóa nhập khẩu) từ hai mươi triệu đồng trở lên, trừ các trường hợp giá trị hàng hóa, dịch vụ nhập khẩu từng lần có giá trị dưới hai mươi triệu đồng, hàng hóa, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT và trường hợp cơ sở kinh doanh nhập khẩu hàng hóa là quà biếu, quà tặng của tổ chức, cá nhân ở nước ngoài.

Chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt gồm chứng từ thanh toán qua ngân hàng và chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khác hướng dẫn tại khoản 3 và khoản 4 Điều này. ...”

Căn cứ các quy định nêu trên, trường hợp người nộp thuế có số thuế GTGT đầu vào phát sinh trong kỳ đủ điều kiện khấu trừ thì được kê khai, khấu trừ khi xác định số thuế phải nộp. Không có quy định doanh nghiệp được hạch toán vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế TNDN hoặc nguyên giá tài sản cố định đối với số thuế GTGT đầu vào đủ điều kiện khấu trừ nhưng không kê khai khấu trừ.

HỎI ĐÁP

5. Hỏi:

Kính gửi Bộ tài chính, Tôi hiện đang làm cho đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo 1 phần và có hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ. Đơn vị thực hiện thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. Do vậy khi tính Thuế GTGT thì đơn vị hạch toán Nợ 531/ Có 333. Vậy cho tôi hỏi chỉ tiêu doanh thu phản ánh trên báo cáo KQHĐKD là lấy doanh thu của phần kết chuyển sang TK 911 hay chỉ tiêu bên Có TK 531. Nếu theo Thông tư 107 là lấy chỉ tiêu bên Có 531 vậy Bên Nợ TK 531 được phản ánh vào đâu khi lập báo cáo tài chính. Tôi xin chân thành cảm ơn

Trả lời:

Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành theo Thông tư số 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập báo cáo kết quả hoạt động của đơn vị, trong đó: Chỉ tiêu Doanh thu của hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ- Mã số 10: Phản ánh tổng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (không bao gồm thuế GTGT nộp theo phương pháp trực tiếp) phát sinh trong năm của đơn vị sự nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ.

Vì vậy, để phản ánh đúng doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ phát sinh trong năm, số liệu chỉ tiêu này được lấy bằng lũy kế số phát sinh Bên Có trừ đi (-) lũy kế số phát sinh Bên Nợ của TK 531 “Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ” (cũng chính là số kết chuyển từ TK 531 sang TK 911- Xác định kết quả)./.

6. Hỏi:

Xin hỏi: Dự án cải tạo, sửa chữa hoặc mở rộng có áp dụng hệ số điều chỉnh $k = 1,15$ theo Khoản 6, PL 2 kèm theo Thông tư số 16/2019/TT-BXD của Bộ Xây dựng quy định chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật của một số dự án được điều chỉnh không?

Trả lời:

Bộ Xây dựng trả lời vấn đề này như sau:

Theo quy định tại Khoản 6, Mục I, Phụ lục số 2, Thông tư số 16/2019/TT-BXD ngày 26/12/2019 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng thì chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi và lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật, đối với Dự án cải tạo, sửa chữa, mở rộng có tính toán kết nối (có thuyết minh tính toán kết nối đồng bộ các hệ thống) với công trình hiện có được điều chỉnh với hệ số $k=1,15$.

HỎI ĐÁP

7. Hỏi:

Tôi xin hỏi, trong thời gian tạm hoãn hợp đồng lao động, Công ty không phải trả lương cho người lao động (NLĐ), Công ty và NLĐ không phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, vậy NLĐ có được đăng ký tham gia BHYT tự nguyện trong thời gian này hay không?

Trả lời:

Căn cứ Khoản 4 Điều 42 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam quy định NLĐ không làm việc và không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng thì không đóng BHXH tháng đó. Thời gian này không được tính để hưởng BHXH.

Cơ sở trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN là hợp đồng lao động (quyết định tuyển dụng), quyết định lương, bảng lương... Do đó, trường hợp NLĐ không làm việc từ 14 ngày trở lên trong tháng và không hưởng lương thì không thuộc đối tượng đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN.

Để bảo đảm quyền lợi cho NLĐ, đơn vị có thể lập hồ sơ (mẫu D02-TS) đề nghị tăng BHYT cho NLĐ hoặc hướng dẫn NLĐ tham gia BHYT hộ gia đình, NLĐ đăng ký tại Đại lý thu BHYT phường, xã địa phương đang tạm trú hoặc thường trú hoặc Đại lý thu bưu điện hoặc BHXH quận, huyện.

8. Hỏi:

Tôi xin hỏi: Hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh thông thường phần Bảo đảm dự thầu ghi hình thức là đặt cọc hoặc thư bảo lãnh, thì đặt cọc ở đây được hiểu là đặt cọc bằng séc theo Thông tư số 03/2015/TT-BKHĐT hay bằng tiền mặt?

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Theo hướng dẫn tại Mục 9 và Mục 21 Chương I Mẫu số 04 – Mẫu hồ sơ yêu cầu chào hàng cạnh tranh mua sắm hàng hóa ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện theo một trong các hình thức: đặt cọc hoặc thư bảo lãnh do tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành.

Theo đó, trường hợp hồ sơ yêu cầu cho phép nhà thầu được thực hiện bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức đặt cọc thì nhà thầu có thể nộp bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng séc hoặc bằng tiền mặt.

HỎI ĐÁP

9. Hỏi:

Tôi xin hỏi, đối tượng nghỉ hưu theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ có được chi trả trợ cấp thất nghiệp không?

**Trả lời:**

Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội trả lời vấn đề này như sau:

Theo quy định tại Điều 49 Luật Việc làm, người lao động (NLĐ) đang đóng bảo hiểm thất nghiệp được hưởng trợ cấp thất nghiệp khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc, trừ các trường hợp: NLĐ đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc trái pháp luật; hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng;
- Đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 24 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc không xác định thời hạn, hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc xác định thời hạn; đã đóng bảo hiểm thất nghiệp từ đủ 12 tháng trở lên trong thời gian 36 tháng trước khi chấm dứt hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng;
- Đã nộp hồ sơ hưởng trợ cấp thất nghiệp tại trung tâm dịch vụ việc làm theo quy định;
- Chưa tìm được việc làm sau 15 ngày, kể từ ngày nộp hồ sơ hưởng bảo hiểm thất nghiệp, trừ các trường hợp: Thực hiện nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an; đi học tập có thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên; chấp hành quyết định áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc; bị tạm giam; chấp hành hình phạt tù.

HỎI ĐÁP

10. Hỏi:

Đơn vị tôi đang triển khai gói đấu thầu rộng rãi không qua mạng. Trong quá trình chuẩn bị phát hành hồ sơ mời thầu, tôi có một số thắc mắc về quy định đăng tải thông báo mời thầu như sau: Theo quy định tại điểm b Điều 12 Luật Đấu thầu, hồ sơ mời thầu được phát hành sau 3 ngày làm việc kể từ ngày đầu tiên đăng tải thông báo mời thầu. Theo quy định tại Điều 13 Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT, trong quá trình đăng tải thông báo mời thầu lên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bên mời thầu phải đính kèm quyết định phê duyệt hồ sơ mời thầu và đính kèm hồ sơ mời thầu và theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 14 Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT, hồ sơ mời thầu được phát hành trên hệ thống ngay sau khi đăng tải thành công thông báo mời thầu. Tôi cho rằng quy định thời gian phát hành hồ sơ mời thầu theo Thông tư 11/2019/TT-BKHĐT không phù hợp với quy định về thời gian phát hành hồ sơ mời thầu theo Luật Đấu thầu nên đề nghị cơ quan chức năng giải đáp về vấn đề này.

Trả lời:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trả lời vấn đề này như sau:

Quy định tại điểm b khoản 1 Điều 12 Luật Đấu thầu áp dụng đối với trường hợp phát hành hồ sơ mời thầu không qua mạng (phát hành trực tiếp cho nhà thầu đến mua hoặc nhận hồ sơ). Đối với đấu thầu qua mạng, theo khoản 2 Điều 60 Luật Đấu thầu, Chính phủ quy định chi tiết việc lựa chọn nhà thầu qua mạng và lộ trình áp dụng.

Theo đó, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP (Điều 84 khoản 2 và Điều 88 khoản 7) giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn và đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư cụ thể hóa tại Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT.

Điều 10 và Điều 13 Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT quy định, hồ sơ mời thầu quan tâm, hồ sơ mời thầu sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, yêu cầu báo giá phải được đính kèm cùng thông báo mời thầu.

Theo đó, quy định này nhằm tiết kiệm thời gian trong đấu thầu, đồng thời tăng cường tính công khai, minh bạch trong đấu thầu. Các nhà thầu quan tâm đến gói thầu đều có khả năng tiếp cận hồ sơ cùng một lúc.

HỎI ĐÁP

11. Hỏi:

Kính gửi Bộ Tài chính!

Tại điểm b, khoản 2 Điều 20 Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 có quy định về nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán. Trong đó có nội dung: " Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán". Xin hỏi Quý bộ: Các đối tượng cụ thể nào được nhận hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán. Rất mong Bộ Tài chính sớm xem xét trả lời.

Trả lời:

Ngày 20/02/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 10/2020/TT-BTC quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn ngân sách nhà nước có hiệu lực từ ngày 10/4/2020; trong đó:

+ Tại Khoản 1 Điều 20 quy định về chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán.

+ Tại điểm b, điểm c khoản 2 Điều 20 quy định về nội dung chi như sau:

"2. b) Nội dung chi cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán gồm:

- Chi hỗ trợ trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán.

- Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán dự án trong trường hợp cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán ký kết hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc thuê tổ chức tư vấn.

- Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán.

- Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán".

c) Căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và nội dung chi quy định tại điểm b Khoản 2 Điều này, cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp xem xét...."

Thông tư không quy định cụ thể đối tượng được hưởng và mức hưởng của từng đối tượng mà giao quyền cho cơ quan chủ trì thẩm tra quyết toán (trường hợp này là Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố), chịu trách nhiệm xây dựng quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán (trong đó có xác định nội dung chi và đối tượng trực tiếp thực hiện), trình thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp (trường hợp này là UBND thành phố) xem xét, quyết định phê duyệt để làm cơ sở thực hiện hằng năm cho đến khi quy chế được điều chỉnh, bổ sung (nếu có)../.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

1. Công văn số:1393/TCT-KK ngày 1 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư.

Tổng cục Thuế nhận được Công văn số 01-20/CV ngày 13/01/2020 của Công ty TNHH MTV Dệt công nghệ cao Yu Yuang Việt Nam về vướng mắc trong hoàn thuế giá trị gia tăng (GTGT) đối với dự án đầu tư. Về nội dung này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Theo hướng dẫn tại Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC) về hoàn thuế GTGT.

Theo quy định tại Điều 39, Điều 40 và Điều 46 Luật đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 01/7/2015.

Theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

Căn cứ các quy định và hướng dẫn nêu trên, trường hợp Công ty TNHH MTV Dệt công nghệ cao Yu Yuang Việt Nam có dự án đầu tư mới, đáp ứng các quy định của pháp luật về thuế và pháp luật về đầu tư thì được giải quyết hoàn thuế GTGT đầu vào của dự án đầu tư phát sinh trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động.

Trường hợp dự án đầu tư của Công ty bị chậm tiến độ so với nội dung trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thì Công ty có trách nhiệm đề xuất bằng văn bản với cơ quan đăng ký đầu tư đề điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư.

Cơ quan thuế thực hiện hoàn thuế GTGT đối với dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về thuế và phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư.

2. Công văn số:19743/CT-TTHT ngày 7 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần của cá nhân trong Công ty cổ phần.

Trả lời công văn số 24.03/CV-XTTM ngày 24/3/2020 của Công ty CP Du lịch & Xúc tiến thương mại hỏi về việc kê khai nộp thuế đối với hoạt động chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong Công ty cổ phần, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16/03/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

- Căn cứ Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế GTGT và thuế TNCN đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế TNCN quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

Trường hợp cá nhân phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng cổ phiếu trong công ty cổ phần theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Luật chứng khoán và Điều 120 của Luật doanh nghiệp được xác định là thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì cá nhân thực hiện kê khai, nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng. Việc kê khai và nộp thuế TNCN thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 16 và Điều 21 Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/06/2015 của Bộ Tài chính.

3. Công văn số: 20651/CT-TTHT ngày 8 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ bảo hiểm nhân thọ.

Trả lời công văn số 151/CV-NA/2020 ngày 23/3/2020 của Công ty Cổ phần Môi giới bảo hiểm Nam Á (sau đây gọi là Công ty) hỏi về khấu trừ thuế TNCN đối với thu nhập từ bảo hiểm nhân thọ, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế.

Căn cứ quy định trên, trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam thì đến thời điểm đáo hạn hợp đồng, Công ty bảo hiểm có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí tích lũy tương ứng với phần Công ty mua cho người lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 92/2015/TT-BTC.

Trường hợp Công ty mua cho người lao động bảo hiểm nhân thọ có tích lũy về phí bảo hiểm của doanh nghiệp bảo hiểm không thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam được phép bán bảo hiểm tại Việt Nam thì Công ty có trách nhiệm khấu trừ thuế theo tỷ lệ 10% trên khoản tiền phí bảo hiểm đã mua hoặc đóng góp trước khi trả lương cho người lao động.

4. Công văn số: 1471/TCT-KK ngày 13 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc khai, nộp thuế GTGT, TNDN dự án bất động sản ngoại tỉnh.

Trả lời công văn số 309/2019/CV-DA ngày 01/4/2019 của Công ty CP DV & TM Đông Á (MST 0100108060; sau đây gọi là "Công ty") xin ý kiến về việc khai, nộp thuế giá trị gia tăng (GTGT) và thuế TNDN (TNDN) và báo cáo của Cục Thuế tỉnh An Giang tại Công văn số 558/CT-KK ngày 22/4/2019, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

- Căn cứ quy định tại Điều 1 và Khoản 1 Điều 45 Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

- Căn cứ quy định tại Điều 13 và Điều 54 Luật kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 25 Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Căn cứ hướng dẫn tại Điểm c Khoản 1 và Điểm c Khoản 3 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế.

- Căn cứ hướng dẫn tại Điểm đ Khoản 1 và Khoản 6 Điều 11 Thông tư số 156/2013/TT-BTC (nêu trên) đã được sửa đổi, bổ sung tại Điểm a và Điểm e Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế GTGT và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ tình hình thực tế trên địa bàn quản lý, giao Cục trưởng Cục Thuế địa phương quyết định về nơi kê khai thuế đối với hoạt động xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh.

- Căn cứ các quy định pháp luật, nội dung văn bản trình bày vướng mắc của Công ty và báo cáo Cục Thuế nêu trên, trường hợp Công ty ủy quyền cho Chi nhánh tại tỉnh An Giang (đơn vị phụ thuộc Công ty) chuyển nhượng bất động sản của dự án tại tỉnh An Giang cho khách hàng phù hợp với quy định pháp luật về kinh doanh bất động sản:

- Khi dự án đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng Công ty trực tiếp ký hợp đồng, xuất hóa đơn cho khách hàng thì Công ty thực hiện khai thuế GTGT tạm tính theo tỷ lệ 2% trên doanh thu bán hàng chưa có thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản với cơ quan thuế quản lý trực tiếp dự án tại tỉnh An Giang. Hồ sơ khai thuế GTGT đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh là Tờ khai thuế GTGT mẫu số 05/GTGT, số thuế GTGT đã nộp tại tỉnh An Giang (theo chứng từ nộp tiền thuế) của doanh thu chuyển nhượng bất động sản Dự án được trừ vào số thuế phải nộp theo Tờ khai thuế GTGT của Công ty tại trụ sở chính.

- Khi Công ty bàn giao hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc dự án cho Chi nhánh tại tỉnh An Giang quản lý, bao gồm cả việc Chi nhánh trực tiếp ký hợp đồng chuyển nhượng bất động sản và xuất hóa đơn cho khách hàng thì Công ty phải tổng hợp số thuế GTGT phát sinh, số thuế GTGT đã khấu trừ, số thuế GTGT chưa khấu trừ hết của dự án để bàn giao cho Chi nhánh quản lý và chịu trách nhiệm về số thuế GTGT của dự án đã được Công ty khai thuế tại trụ sở chính.

- Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc Công ty theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. Do vậy hình thức hạch toán kế toán của Chi nhánh là phụ thuộc Công ty. Công ty thực hiện tổng hợp khai thuế TNDN đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh từ dự án với cơ quan thuế quản lý trụ sở chính của Công ty và phải nộp thuế theo Phụ lục thuế TNDN đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản từ dự án cũng như nộp thuế tạm tính hàng quý cho cơ quan thuế tỉnh An Giang theo hướng dẫn tại Khoản 5 Điều 12 Thông tư số 156/2013/TT-BTC đã được sửa đổi tại Điều 16 Thông tư số 151/2014/TT-BTC nêu trên.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

5. Công văn số:23241/CT-TTHT ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Vương quốc Anh.

Trả lời công văn số 1701-01/2020/CV-VGPC nhận ngày 11/02/2020 và hồ sơ bổ sung công văn 1701-01/2020/CV-VGPC nhận ngày 10/04/2020 của Công ty TNHH Việt Nam Grand Prix (VGPC) (sau đây gọi là "VGPC") hỏi về hướng dẫn áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Vương quốc Anh, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Căn cứ các quy định của pháp luật, việc áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần đã được quy định cụ thể tại Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 của Bộ Tài chính. Đối với trường hợp cụ thể của Công ty Formula One Champion Limied (FOWC) (là một công ty có trụ sở tại Vương Quốc Anh) thì được áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh.

Đề nghị VGPC căn cứ thực tế các khoản thu nhập của Công ty Formula One Champion Limited (FOWC) tại Việt Nam, đối chiếu quy định tại Điều 7 (quy định lợi nhuận kinh doanh), Điều 12 (quy định tiền bản quyền) Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh, Thông tư 205/2013/TT-BTC để áp dụng phù hợp quy định pháp luật.

Nếu khoản thu nhập của Công ty Formula One Champion Limied (FOWC) thuộc đối tượng miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và Vương Quốc Anh thì VGPC gửi hồ sơ theo hướng dẫn tại tiết b.2 Khoản 3 Điều 20 Thông tư số 156/2013/TT-BTC cho Cục Thuế TP Hà Nội để được xem xét, giải quyết.

6. Công văn số:1524/TCT-DNNCN ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Tổng cục Thuế về việc Thuế TNCN đối với tiền lương do làm việc ngày nghỉ phép.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 4238/NHNo-TCKT ngày 24/5/2019 của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đề nghị hướng dẫn xác định thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công những ngày không nghỉ phép. Về vấn đề này, Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

Căn cứ quy định hiện hành và ý kiến của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, trường hợp Ngân hàng nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam yêu cầu người lao động làm việc vào ngày nghỉ phép hàng năm và thanh toán tiền lương cho những ngày này theo hình thức làm thêm giờ thì phần thu nhập trả cao hơn so với tiền lương ngày làm việc bình thường theo quy định của Bộ luật Lao động là thu nhập miễn thuế thu nhập cá nhân theo hướng dẫn tại điểm i Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính.

7. Công văn số:24999/CT-TTHT ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn hóa đơn đối với hoạt động chuyển kinh phí đầu tư ban đầu của dự án đầu tư.

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn 659/NSHN-TCKT ghi ngày 31/03/2020 của Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội vướng mắc về chính sách thuế, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc Hội.

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

- Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

- Căn cứ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội trả lời nguyên tắc như sau:

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội thực hiện góp vốn bằng tài sản để thành lập Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng theo đúng quy định của pháp luật thì thuộc trường hợp không phải kê khai tính nộp thuế GTGT theo hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 219/2013/TT-BTC; Công ty phải có biên bản góp vốn sản xuất kinh doanh,

hợp đồng liên doanh, liên kết; biên bản định giá tài sản của Hội đồng giao nhận vốn góp của các bên góp vốn (hoặc văn bản định giá của tổ chức có chức năng định giá theo quy định của pháp luật), kèm theo bộ hồ sơ về nguồn gốc tài sản.

- Trường hợp Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội chuyển lại chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án xây dựng Nhà máy Nước mặt Sông Hồng ban đầu mà Công ty đã thực hiện cho Chủ đầu tư dự án là Công ty cổ phần Nước mặt Sông Hồng thì Công ty TNHH MTV Nước sạch Hà Nội thực hiện lập hóa đơn và kê khai nộp thuế GTGT với thuế suất 10% theo quy định.

Trong quá trình thực hiện, nếu còn vướng mắc đề nghị đơn vị liên hệ với Phòng Thanh tra Kiểm tra số 4 để được hướng dẫn.

8. Công văn số:27684/CT-TTHT ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc kê khai hóa đơn bỏ sót.

Trả lời công văn số 48/EC-MSQLTB ngày 12/02/2020 của Công ty cổ phần đầu tư Xây dựng và Kỹ Thuật VNCN E&C (sau đây gọi là “Công ty”) hỏi về hướng dẫn kê khai hóa đơn GTGT, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

- Căn cứ Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 78/2014/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Điều 1 Thông tư số 151/2014/TT-BTC).

Căn cứ các quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Về khấu trừ thuế GTGT: Trường hợp Công ty phát hiện hóa đơn GTGT đầu vào của các kỳ trước bị bỏ sót chưa kê khai thì được kê khai, khấu trừ bổ sung tại kỳ tính thuế phát hiện hóa đơn bỏ sót nhưng phải trước khi cơ quan Thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế tại trụ sở người nộp thuế.

Về hạch toán chi phí khi tính thuế TNDN: Công ty được hạch toán chi phí được trừ khi tính thuế TNDN nếu khoản chi đáp ứng quy định tại Điều 4 Thông tư số 96/2015/TT-BTC nêu trên. Việc hạch toán khoản chi phí vào năm tài chính nào căn cứ thực tế phát sinh, phù hợp nguyên tắc kế toán và pháp luật về thuế TNDN.

9. Công văn số:27687/CT-TTHT ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc Chính sách thuế với hoạt động chuyển nhượng BĐS.

Trả lời công văn số 24.3 CT/TCKT ngày 24/3/2020 của Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà (sau đây gọi là Công ty) hỏi về thuế đối với hoạt động chuyển nhượng bất động sản, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

Trường hợp Công ty có hoạt động chuyển nhượng bất động sản ở cùng địa bàn, thành phố trực thuộc Trung ương với nơi

đóng trụ sở chính thì:

1. Về thuế GTGT:

Trường hợp Công ty có hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì giá tính thuế giá trị gia tăng là giá chuyển nhượng bất động sản trừ (-) giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng. Trường hợp cơ sở kinh doanh nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các tổ chức, cá nhân thì giá đất được trừ để tính thuế giá trị gia tăng là giá đất tại thời điểm nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất bao gồm cả giá trị cơ sở hạ tầng (nếu có).

Công ty lập hóa đơn GTGT cho người mua theo hướng dẫn tại khoản 7 Điều 3 Thông tư 26/2015/TT-BTC, thuế suất thuế GTGT áp dụng là 10% và thực hiện khai thuế với cơ quan thuế quản lý trực tiếp, hồ sơ khai thuế thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 26/2015/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Về thuế TNDN:

Trường hợp công ty phát sinh thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì thu nhập chịu thuế được xác định bằng doanh thu thu được từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản trừ giá vốn của bất động sản và các khoản chi phí được trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng bất động sản theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 78/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính. Thuế suất thuế TNDN áp dụng là 20%.

Trường hợp Công ty không phát sinh thường xuyên hoạt động chuyển nhượng bất động sản thì thực hiện khai thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính theo từng lần phát sinh chuyển nhượng bất động sản. Hồ sơ khai thuế thu nhập doanh nghiệp

CÁC CÔNG VĂN LIÊN QUAN ĐẾN CHÍNH SÁCH THUẾ

theo từng lần chuyển nhượng bất động sản là Tờ khai thuế thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản theo mẫu số 02/TNDN ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính.

3. Về Lệ phí trước bạ:

Trường hợp Công ty chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho cá nhân thì khi đăng ký quyền sử dụng đất cá nhân nhận chuyển nhượng phải thực hiện nộp lệ phí trước bạ theo hướng dẫn tại Điều 3, Điều 4 Thông tư 301/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính.

10. Công văn số: 28547/CT-TTHT ngày 29 tháng 4 năm 2020 của Cục Thuế TP Hà Nội về việc hướng dẫn chính sách thuế GTGT đối với hàng hóa có điểm giao, nhận ngoài Việt Nam.

Trả lời công văn số 01/02/2020 ghi ngày 04/02/2020 của Công ty TNHH công nghệ Prolink vướng mắc về chính sách thuế GTGT (sau đây gọi tắt là Công ty), Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế GTGT.

Căn cứ quy định trên, Cục Thuế TP Hà Nội hướng dẫn nguyên tắc như sau:

Trường hợp Công ty TNHH Công nghệ Prolink mua hàng hóa của hãng Salicru ở Tây Ban Nha, sau đó bán lại lô hàng này cho Công ty TNHH Siemens tại cảng Barcelona – Tây Ban Nha; nếu Công ty TNHH Công nghệ Prolink có các tài liệu chứng minh việc giao, nhận lô hàng này với Công ty TNHH Siemens được thực hiện ở ngoài Việt Nam như hướng dẫn tại tiết a Khoản 2 Điều 9 Thông tư số 219/2013/TT-BTC nêu trên thì doanh thu Công ty TNHH Công nghệ Prolink nhận được từ việc bán lô hàng cho Công ty TNHH Siemens được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%.

Đề nghị Công ty căn cứ hồ sơ thực tế giao dịch của đơn vị, đối chiếu với hướng dẫn nguyên tắc của Cục Thuế TP Hà Nội và liên hệ với Chi cục Thuế quận Hoàng Mai để được hướng dẫn giải quyết.

KIẾN THỨC PHÁP LUẬT

22 Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.9

22 - 25 Nghị quyết số 94/2019/QH14 - Các đối tượng và điều kiện được khoan nợ tiền thuế và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp.

25 - 27 Khai không đủ nội dung hồ sơ thuế xử phạt hành chính thế nào?

Thông báo về việc Nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.9

Ngày 28/4/2020, Tổng cục Thuế đã nâng cấp ứng dụng Hỗ trợ kê khai (HTKK) phiên bản 4.3.9. Tại phiên bản mới này, ứng dụng đã nâng cấp chức năng kê khai tờ khai “Gia hạn nộp thuế và tiền thuê đất” đáp ứng 02 yêu cầu nghiệp vụ phát sinh, cụ thể:

- Không bắt buộc nhập “Doanh thu” của doanh nghiệp khi tích chọn mục a hoặc mục b tại chỉ tiêu [08] – phần I.
- Đối với chỉ tiêu khu đất thuê tại chỉ tiêu [07]: Ứng dụng hỗ trợ tự động hiển thị Tỉnh/Thành phố, Quận/Huyện khi chọn cơ quan thuế:
 - + Nếu chọn CQT quản lý là Cục Thuế thì ứng dụng hiển thị “Tỉnh/Thành phố” tương ứng với CQT đã chọn (không cho sửa), cho phép chọn “Quận/Huyện” trong danh sách các huyện thuộc Tỉnh/Thành phố đó
 - + Nếu chọn CQT quản lý là Chi cục Thuế thì ứng dụng hiển thị “Tỉnh/Thành phố” và “Quận/Huyện” tương ứng với CQT đã chọn, không cho sửa.
- Khi tích chọn mục a hoặc b tại mục I – chỉ tiêu [08]: Chỉ cho chọn 1 trong 3 lĩnh vực hoạt động trong danh mục.

Lưu ý: Bắt đầu từ ngày 29/4/2020, khi lập hồ sơ khai thuế, tổ chức, cá nhân nộp thuế trên phạm vi toàn quốc sẽ sử dụng ứng dụng HTKK 4.3.9 để kê khai thay cho các phiên bản trước đây.

Nghị quyết số 94/2019/QH14 - Các đối tượng và điều kiện được khoan nợ tiền thuế và xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp.

Ngày 26/11/2019, Quốc hội thông qua Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định về khoan nợ tiền thuế, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp đối với người nộp thuế không còn khả năng nộp ngân sách nhà nước. Nghị quyết sẽ chính thức có hiệu lực thi hành từ 01/7/2020 và được tổ chức thực hiện trong thời hạn 03 năm kể từ ngày 01/7/2020.

Căn cứ Điều 4 và Điều 5 Nghị quyết, đối tượng được xử lý nợ gồm:

Nhóm 1: Các đối tượng được khoan nợ tiền thuế kể từ ngày 01/7/2020, xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp còn nợ trước ngày 01/7/2020:

Gồm 5 trường hợp sau:

1. Người nộp thuế là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự;

Điều kiện: Cá nhân có giấy chứng tử hoặc giấy báo tử hoặc quyết định của Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự hoặc các giấy tờ thay cho giấy báo tử theo quy định của pháp luật hoặc xác nhận của UBND cấp xã/ Cơ quan công an cấp xã xác nhận NNT đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự.

2. Người nộp thuế có quyết định giải thể gửi cơ quan quản lý thuế, cơ quan đăng ký kinh doanh để làm thủ tục giải thể, cơ quan đăng ký kinh doanh đã thông báo người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nhưng người nộp thuế chưa hoàn thành thủ tục giải thể;

Điều kiện: doanh nghiệp có quyết định giải thể; hoặc thông báo của cơ quan đăng ký kinh doanh về việc người nộp thuế đang làm thủ tục giải thể trên hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp;

3. Người nộp thuế đã nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản hoặc đã bị người có quyền, nghĩa vụ liên quan nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản;

Điều kiện: Người nộp thuế đã có đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản; hoặc Tòa án có thông báo thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

4. Người nộp thuế không còn hoạt động kinh doanh tại địa chỉ kinh doanh đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan quản lý thuế;

Điều kiện: Cơ quan quản lý thuế có biên bản xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký với chính quyền địa phương về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh,

Đối với trường hợp người nộp thuế là doanh nghiệp, tổ chức thì phải có thêm Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký hoặc Thông báo cơ sở kinh doanh bỏ địa chính kinh doanh của cơ quan quản lý thuế.

5. Người nộp thuế đã bị cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế (sau đây gọi là Giấy chứng nhận ĐKDN);

Điều kiện: Cơ quan quản lý thuế có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền thu hồi hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo đề nghị của cơ quan quản lý thuế; Cơ quan thuế đã ban hành các quyết định về việc áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế; Văn bản xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người nộp thuế đăng ký địa chỉ hoạt động kinh doanh về việc người nộp thuế không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký kinh doanh tại thời điểm đề nghị xóa nợ;

Nhóm thứ hai: Các đối tượng được xóa nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp còn nợ trước ngày 01/7/2020:

Gồm 2 trường hợp sau:

1. Người nộp thuế bị thiệt hại vật chất do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ;

Điều kiện: Người nộp thuế có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về việc người nộp thuế bị thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian, địa điểm xảy ra; Có văn bản đánh giá giá trị thiệt hại vật chất do người nộp thuế lập và có xác nhận về giá trị thiệt hại của tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan thẩm định giá hoặc cơ quan bảo hiểm;

Lưu ý: Trường hợp này số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa được tính trên số nợ tiền thuế phát sinh không có khả năng thu do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ gây ra và không vượt quá giá trị tài sản, hàng hóa bị thiệt hại sau khi trừ các khoản được bồi thường, bảo hiểm (nếu có). Người nộp thuế phải là trường hợp chưa được xử lý miễn tiền chậm nộp từ khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 có hiệu lực thi hành;

2. Người nộp thuế cung ứng hàng hóa, dịch vụ được thanh toán trực tiếp bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước, bao gồm cả nhà thầu phụ được quy định trong hợp đồng ký với chủ đầu tư và được chủ đầu tư trực tiếp thanh toán nhưng chưa được thanh toán.

Điều kiện: Người nộp thuế có hợp đồng kinh tế ký với đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước (nếu người nộp thuế là nhà thầu phụ thì phải được quy định cụ thể trong hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng và được đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước trực tiếp thanh toán); biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc hóa đơn cung ứng hàng hóa dịch vụ; có văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán, số tiền chưa thanh toán và thời gian chậm thanh toán cho người nộp thuế;

Lưu ý: Trường hợp này, số nợ tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp được xóa được tính trên số nợ tiền thuế nhưng số nợ tiền thuế không vượt quá số tiền ngân sách nhà nước chậm thanh toán cho người nộp thuế và số tiền được xóa phát sinh trong khoảng thời gian ngân sách nhà nước chậm thanh toán.

Khai không đủ nội dung hồ sơ thuế xử phạt hành chính thế nào?

Khai không đầy đủ nội dung hồ sơ thuế là hành vi sai phạm nghiêm trọng trong lĩnh vực thuế. Vậy người nộp thuế khai không đầy đủ nội dung hồ sơ thuế bị xử phạt hành chính thế nào?

Các hành vi vi phạm hành chính về thuế

Theo Khoản 3 Điều 1 Thông tư 166/2013/TT-BTC

Hành vi vi phạm hành chính về thuế của người nộp thuế

– Hành vi vi phạm quy định về thủ tục thuế:

- Hành vi chậm nộp hồ sơ đăng ký thuế, chậm thông báo thay đổi thông tin trong hồ sơ đăng ký thuế so với thời hạn quy định;
- Hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế;
- Hành vi chậm nộp hồ sơ khai thuế so với thời hạn quy định;

- Hành vi vi phạm các quy định về cung cấp thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế;
- Hành vi vi phạm trong việc chấp hành quyết định kiểm tra thuế, thanh tra thuế, cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế.
 - Hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số thuế được hoàn.
 - Hành vi trốn thuế, gian lận thuế.

Hành vi vi phạm hành chính về thuế của tổ chức tín dụng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan

- Hành vi thông đồng, bao che người nộp thuế trốn thuế, gian lận thuế;
- Hành vi không thực hiện quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;
- Hành vi không cung cấp hoặc cung cấp không chính xác thông tin liên quan đến xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế; tài khoản của người nộp thuế nợ thuế tại tổ chức tín dụng, kho bạc nhà nước theo quy định của Luật quản lý thuế

Như vậy, khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ khai thuế là vi phạm quy định về thủ tục thuế của người nộp thuế.

Xử phạt đối với hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế

Xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai không đầy đủ các nội dung trong hồ sơ thuế được quy định tại Điều 8 Thông tư 166/2013/TT-BTC. Dưới đây là mức xử phạt các hành vi lập hồ sơ khai thuế ghi thiếu, ghi sai các chỉ tiêu làm căn cứ xác định nghĩa vụ thuế trên:

Trên bảng kê hóa đơn, hàng hoá, dịch vụ mua vào, bán ra

- Phạt tiền 700.000 đồng
- Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 400.000 đồng.
- Có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 1.000.000 đồng

Trên hóa đơn, chứng từ khác liên quan đến nghĩa vụ thuế

- Phạt tiền 1.050.000 đồng,
- Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 600.000 đồng
- Có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 1.500.000 đồng

Trên tờ khai thuế, tờ khai quyết toán thuế

- Phạt tiền 1.400.000 đồng,
- Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 800.000 đồng
- Có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 2.000.000 đồng

Đối với hành vi khai sai nhưng không dẫn đến thiếu số thuế phải nộp

- Phạt tiền 2.100.000 đồng,
- Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 1.200.000 đồng
- Có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 3.000.000 đồng

Đối với hành vi khai sai làm thiếu số thuế phải nộp theo hồ sơ khai thuế tạm tính theo quý

- Phạt tiền 2.100.000 đồng,
- Nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 1.200.000 đồng
- Có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 3.000.000 đồng

Lưu ý: Nộp theo hồ sơ khai thuế tạm tính theo quý nhưng chưa đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế năm.

– Ngoài ra, các hành vi tại Khoản 7 Điều 13 Thông tư này cũng phạt tiền 2.100.000 đồng, nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt tối thiểu không thấp hơn 1.200.000 đồng hoặc có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt tối đa không quá 3.000.000 đồng

VĂN BẢN QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC

- | | |
|----|---|
| 29 | Thông tư số:02/2020/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. |
| 29 | Thông tư số:19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính. |
| 30 | Thông tư số:20/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính. |



Thông tư số:02/2020/TT-NHNN ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020 Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư số 02/2020/TT-NHNN về hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa.

Theo đó, thương nhân chỉ được thanh toán và chuyển tiền trong cùng một giao dịch kinh doanh chuyển khẩu theo hợp đồng mua hàng hóa và hợp đồng bán chính hàng hóa đó tại cùng một ngân hàng được phép.

Đồng thời, thương nhân không được sử dụng bộ hồ sơ chứng từ của một giao dịch kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa để mua ngoại tệ, thanh toán và chuyển tiền tại nhiều ngân hàng được phép.

Mặt khác, Ngân hàng Nhà nước cũng quy định cụ thể trách nhiệm của ngân hàng được phép. Cụ thể, khi thực hiện các giao dịch bán ngoại tệ, thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa cho khách hàng, ngân hàng được phép có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng quy định.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/5/2020.

Thông tư số:19/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 31 tháng 3 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 19/2020/TT-BTC về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 77/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Cụ thể, Bộ Tài chính bổ sung thêm yêu cầu đối với việc lập chứng từ kế toán, đó là trường hợp chứng từ chi được lập trên dịch vụ công, không giới hạn số lượng trang trên một chứng từ chi.

Bên cạnh đó, thời điểm chốt số liệu báo cáo quyết toán thu, chi Ngân sách Nhà nước hàng năm được chia làm 03 giai đoạn thay vì 02 giai đoạn như quy định cũ, theo đó:

Giai đoạn thứ nhất, chốt số liệu hết thời gian chỉnh lý quyết toán: Số liệu được lấy đến hết ngày 31/01 năm sau. Báo cáo được lưu dưới dạng file và giấy tại đơn vị Kho bạc Nhà nước nơi lập báo cáo.

Giai đoạn thứ hai, chốt số liệu chuyển nguồn: Số liệu được lấy đến hết ngày 31/3 năm sau. Báo cáo được lưu dưới dạng file và giấy tại đơn vị Kho bạc Nhà nước nơi lập báo cáo.

Giai đoạn thứ ba, chốt số liệu quyết toán lần cuối cùng: Số liệu được lấy hết ngày 30/11 năm sau. Báo cáo được lưu dưới dạng file và giấy tại đơn vị Kho bạc Nhà nước nơi lập báo cáo. Trường hợp sau ngày 30/11 vẫn còn điều chỉnh số liệu quyết toán năm trước theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền thì phải có thuyết minh.

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15/5/2020.

Thông tư này làm hết hiệu lực một phần Thông tư 77/2017/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách Nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước.

Thông tư số:20/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính.

Ngày 01 tháng 4 năm 2020 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 20/2020/TT-BTC về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 312/2016/TT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam

Theo đó, Bộ Tài chính bổ sung thêm 02 yếu tố khách quan ảnh hưởng đến vốn và thu nhập của Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được loại trừ khi đánh giá mức độ bảo toàn vốn. Cụ thể: Sử dụng vốn hoạt động để mua trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ theo quy định, làm ảnh hưởng đến thu nhập trong năm; Bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu dài hạn của tổ chức tín dụng hỗ trợ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để chi trả bảo hiểm cho người gửi tiền khi quỹ dự phòng nghiệp vụ không đủ.

Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam có thể sử dụng số dư của thu nhập từ các khoản vay đặc biệt đối với các tổ chức tín dụng được kiểm soát đặc biệt đang theo dõi chi tiết trong quỹ dự phòng nghiệp vụ để bù đắp tổn thất không thu hồi được vốn cho vay đặc biệt. Trường hợp không đủ thì báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định sử dụng quỹ dự phòng nghiệp vụ để bù đắp. Mặt khác, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam không được thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với các khoản cho vay đặc biệt.

Thông tư có hiệu lực từ ngày 20/5/2020.

Thông tư này sửa đổi, bổ sung Thông tư 312/2016/TT-BTC chế độ tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

DANH SÁCH VĂN BẢN TIÊU BIỂU CÓ HIỆU LỰC THÁNG 05/2020

32 – 33	Nghị định
34 – 36	Thông tư
37	Quyết định



NGHỊ ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Nghị định 33/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự.	BH: 17/03/2020 HL: 01/05/2020
2	Nghị định 31/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định về quản lý, bảo quản tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, tịch thu theo thủ tục hành chính.	BH: 05/03/2020 HL: 01/05/2020
3	Nghị định 36/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên nước và khoáng sản.	BH: 24/03/2020 HL: 10/05/2020
4	Nghị định 34/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị định 02/2018/NĐ-CP ngày 04/01/2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam.	BH: 18/03/2020 HL: 10/05/2020
5	Nghị định 37/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc bổ sung Danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.	BH: 30/03/2020 HL: 15/05/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
6	Nghị định 35/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Cạnh tranh.	BH: 24/03/2020 HL: 15/05/2020
7	Nghị định 32/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.	BH: 05/03/2020 HL: 15/05/2020
8	Nghị định 39/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc ban hành Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi đặc biệt của Việt Nam để thực hiện Hiệp định Thương mại giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Cuba giai đoạn 2020-2023.	BH: 03/04/2020 HL: 20/05/2020
9	Nghị định 38/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.	BH: 03/04/2020 HL: 20/05/2020
10	Nghị định 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.	BH: 08/04/2020 HL: 22/05/2020
11	Nghị định 47/2020/NĐ-CP của Chính phủ về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan Nhà nước.	BH: 09/04/2020 HL: 25/05/2020

THÔNG TƯ

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Thông tư 07/2020/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 33/2018/TT-BGTVT ngày 15/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn đối với các chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; nội dung, chương trình đào tạo chức danh nhân viên đường sắt trực tiếp phục vụ chạy tàu; điều kiện, nội dung, quy trình sát hạch và cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép lái tàu trên đường sắt.	BH: 12/03/2020 HL: 01/05/2020
2	Thông tư 05/2020/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định giá cước kết nối cuộc gọi thoại giữa hai mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc và giữa mạng viễn thông cố định mặt đất nội hạt với mạng viễn thông di động mặt đất toàn quốc.	BH: 05/03/2020 HL: 01/05/2020
3	Thông tư 27/2019/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 35/2014/TT-NHNN ngày 20/11/2014 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định phí rút tiền mặt qua tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	BH: 25/12/2019 HL: 01/05/2020
4	Thông tư 04/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định chi tiết một số điều của Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.	BH: 18/03/2020 HL: 05/05/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
5	Thông tư 07/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 06/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về việc xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng các ngành đào tạo giáo viên; trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 01/2019/TT-BGDĐT ngày 28/02/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	BH: 20/03/2020 HL: 05/05/2020
6	Thông tư 15/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng tem đối với rượu để sản xuất để tiêu thụ trong nước và rượu nhập khẩu.	BH: 23/03/2020 HL: 07/05/2020
7	Thông tư 08/2020/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi trung học phổ thông quốc gia và xét công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư 04/2017/TT-BGDĐT ngày 25/01/2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 04/2018/TT-BGDĐT ngày 28/02/2018 và Thông tư 03/2019/TT-BGDĐT ngày 18/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	BH: 23/03/2020 HL: 08/05/2020
8	Thông tư 02/2020/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định phân loại khu vực thể chế áp dụng trong thống kê Việt Nam.	BH: 23/03/2020 HL: 10/05/2020
9	Thông tư 18/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn đăng ký và sử dụng tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.	BH: 31/03/2020 HL: 15/05/2020

STT	Tên Văn Bản	Ngày
10	Thông tư 03/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về tiêu hủy tiền của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.	BH: 31/03/2020 HL: 15/05/2020
11	Thông tư 02/2020/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc hướng dẫn hoạt động thanh toán và chuyển tiền liên quan đến kinh doanh chuyển khẩu hàng hóa.	BH: 30/03/2020 HL: 15/05/2020
12	Thông tư 02/2020/TT-BTP của Bộ Tư pháp về việc ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.	BH: 08/04/2020 HL: 24/05/2020
13	Thông tư 24/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện cơ chế quản lý tài chính về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.	BH: 13/04/2020 HL: 30/05/2020

QUYẾT ĐỊNH

STT	Tên Văn Bản	Ngày
1	Quyết định 09/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế ứng phó sự cố chất thải.	BH: 18/03/2020 HL: 01/05/2020
2	Quyết định 12/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện thí điểm ký quỹ đối với người lao động đi làm việc tại Hàn Quốc theo Chương trình cấp phép việc làm cho lao động nước ngoài của Hàn Quốc.	BH: 31/03/2020 HL: 15/05/2020
3	Quyết định 10/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thống kê thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư.	BH: 18/03/2020 HL: 20/05/2020
4	Quyết định 13/2020/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế khuyến khích phát triển điện mặt trời tại Việt Nam.	BH: 06/04/2020 HL: 22/05/2020

Đây là một trong nhiều Bản tin của Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM cập nhật những thông tin, cải cách mới về môi trường pháp lý, thuế và đầu tư của Việt Nam. Mọi thông tin, phân tích hay bình luận trong bản tin này nhằm giới thiệu chung, không thay thế cho bất kỳ lời tư vấn cho một tình huống cụ thể của khách hàng.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 8, Cao ốc Văn
phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi,
Q. Thanh Xuân
TP. Hà Nội

Phone: 024 3783 2121

Fax: 024 3783 2122

CN. MIỀN NAM

Tầng 4, Tòa nhà
Hoang Anh Safomec,
7/1 Thanh Thai, P.14,
Q.10
TP. Hồ Chí Minh

Phone: 028 3832 9969

Fax: 028 3832 9959

CN. MIỀN BẮC

Số 97, Phố Trần Quốc
Toản, Phường Trần
Hưng Đạo,
Quận Hoàn Kiếm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 73061268

Fax: 024 7306 1269

VP. ĐẠI DIỆN

Tầng 16, Tòa nhà
T01-C37 Bắc Hà,
Đường Tố Hữu,
Quận Nam Từ Liêm,
TP. Hà Nội

Phone: 024 6666 6368

Fax: 024 6666 6368

